TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03- 4- 2025
V/v"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C– TỈNH TÂY NINH

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Văn Be;

2. Ông Ngô Thanh Bình.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà***: Bà Phạm Hải Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 802/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phi H, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ F, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninhvắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Phi H trình bày:

Ông H và bà N tự nguyện chung sống với nhau năm 1975, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống chung lúc đầu hạnh phúc đến khoảng năm 1986 hai vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến và phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà sống ly thân từ năm 1986 đến nay, ông H yêu cầu được ly hôn với bà N.

Vợ chồng ông bà có 04 con chung tên Trần Tấn P ngày 10/6/1979; Trần Hồng N1sinh ngày 01/01/1980; Trần Tấn D ngày 19/4/1984 và Trần Thị Tố Q ngày 09/10/1985; Các con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Htrình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định không có nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do, mặc dù bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3 của Nghị quyết:35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H đối với bà N; Con chung đã trưởng thành không xem xét. Tài sản chung; Nợ chung: Không có, không xem xét. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về tố tụng: Ông Trần Phi H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N.

[**2]** Về quan hệ hôn nhân:

[**2.1**] Giữa ông H và bà N tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, ông bà không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông H1 bà N1 hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a, khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp chung sống trước ngày 03/01/1987 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[**2.2**] Thời gian chung sống vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng chung quan điểm, hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Từ năm 1986 vợ chồng ông bà mâu thuẫn trầm trọng, hai ông bà sống ly thân từ năm 1986 đến nay, trên thực tế hôn nhân giữa ông H1 bà N đã không còn tồn tại. Ông H nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà N, quá trình giải quyết vụ án bà N không đến Tòa án để trình

bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của ông H, không tham gia hòa giải, xét xử vụ án, thể hiện bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà N không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H đối với bà N.

[**3**] Về con chung: Ông, bà có 04 con chung tên Trần Tấn P ngày 10/6/1979; Trần Hồng N1sinh ngày 01/01/1980; Trần Tấn D ngày 19/4/1984 và Trần Thị Tố Q ngày 09/10/1985, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[**4**] Về tài sản chung: Ông Htrình bày không có, không giải quyết.

[**5**] Về nợ chung: Ông H trình bày không có.

[**6]** Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[**7**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H2 chịu án phí 300.000 đồng theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông H3 đơn xin miễn án phí vì thuộc diện người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016. Miễn án phí cho ông H

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 3 của Nghị quyết:35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Phi H đối với bà Nguyễn Thị N. Ông Trần Phi H và bà Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Ông, bà có 04 con chung tên Trần Tấn P ngày 10/6/1979; Trần Hồng N1sinh ngày 01/01/1980; Trần Tấn D ngày 19/4/1984 và Trần Thị Tố Q ngày 09/10/1985, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phi H được miễn án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND h. C, tỉnh Tây Ninh;
-Các đương sựï;
-Ủy ban ND xã BH. D , t. Tây Ninh
-Ủy ban ND xã Đ. C , t. Tây Ninh
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Hg).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Văn Be Ngô Thanh Bình Đỗ Thị H4

Nơi nhận:
-Phòng NV- TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND h. C, tỉnh Tây Ninh;
-Chi cục THADS h. C, tỉnh Tây Ninh;
-Các đương sựï;
-Ủy ban ND xã Bàu Năng , H. Dương Minh Châu , t. Tây Ninh;
-Uỷ ban ND xã Đồng Khởi, h. C , t. Tây Ninh;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Hg).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương